

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-PT

Ngày 30- 01-2024

V/vLy hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về con nuôi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2023/QĐPT- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 3, tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 3, tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn C

Tại phiên tòa bà Võ Thị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/3/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà và ông Võ Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 31/12/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh đập nhau; ông C thường hay rượu chè về gây gỗ với vợ, con. Bản thân bà đã cố gắng chịu đựng để hàn gắn cuộc sống gia đình nhưng ông C vẫn không thay đổi. Bà đã nhiều lần khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do ông C hứa sẽ từ bỏ rượu chè, không đánh đập, gây gỗ với vợ, con nên bà đã quay về chung sống. Tuy nhiên, ông C không thực hiện được lời hứa mà ngày càng gây gỗ căng thẳng hơn. Nay bà xét thấy không thể nào đoàn tụ, chung sống với ông C được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Văn C.

Về con chung: Bà và ông C có 03 con chung là Võ Thị Thúy H, sinh ngày 02/11/2003; Võ Tấn C1, sinh ngày 07/9/2007 và Võ Văn Tuấn A, sinh ngày 11/7/2011. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao 02 con chung là Võ Tấn C1 và Võ Văn Tuấn A cho bà trực tiếp nuôi. Trong đơn khởi kiện bà N yêu cầu ông C cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng tại phiên hòa giải ngày 06/7/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Đối với con chung Võ Thị Thúy H hiện nay đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu về việc nuôi con đối với cháu H.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 14/4/2023, biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn C trình bày:

Ông và bà N kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ). Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ông cho em ruột của ông mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền Ngân hàng nhưng chưa trả tiền để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay ông thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên ông không đồng ý ly hôn, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Ông và bà N có 03 con chung đúng như bà N đã trình bày. Do ông không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về việc nuôi con. Tuy nhiên, nếu trường hợp bà N cương quyết ly hôn và Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là Võ Tấn C1 và Võ Văn Tuấn A cho ông nuôi, ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con, nếu không được thì ông

yêu cầu giao con chung Võ Văn Tuấn A cho ông nuôi, giao con chung Võ Tấn C1 cho bà N nuôi, không ai phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bản án số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn ông Võ Văn C.

2. Về con chung: Bà Võ Thị N và ông Võ Văn C có 03 con chung là Võ Thị Thúy H, sinh ngày 02/11/2003; Võ Tấn C1, sinh ngày 07/9/2007 và Võ Văn Tuấn A, sinh ngày 11/7/2011. Giao 02 con chung là Võ Tấn C1 và Võ Văn Tuấn A cho bà Võ Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Võ Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung là Võ Thị Thúy H, hiện nay đã trên 18 tuổi, bà N và ông C đều không có yêu cầu về nuôi con đối với cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng cho con: Bà Võ Thị N là người được giao trực tiếp nuôi con chung nhưng không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Võ Thị N và ông Võ Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Võ Thị N và ông Võ Văn C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 07/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã Đ nhận được đơn kháng cáo của ông Võ Văn C kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N; Trường hợp cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Tấn C1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự (vắng mặt hai lần không có lý do tại phiên tòa phúc thẩm); bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức, nội dung, thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến C khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 34/2023/DS – ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Việc kháng cáo của ông Võ Văn C được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Những người làm chứng Nguyễn Tấn Phước, Lê Thị Diệp, Mai Thị Thảo được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy bà Võ Thị N và ông Võ Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ(nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 31/12/2002. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị N và ông Võ Văn C là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tổ chức hòa giải để động viên bà N và ông C đoàn tụ nhưng bà N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông C xảy ra đã lâu; bà N đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông C nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, qua nhiều lần bà N rút đơn để vợ chồng đoàn tụ thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông C vẫn tiếp diễn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên bà N tiếp tục khởi kiện và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà N là có căn cứ cho ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn C vẫn thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn do vợ chồng ông cho em ruột mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay ngân hàng nhưng đến hạn chưa trả tiền để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên giữa hai vợ chồng thường hay cãi vã nhau, còn việc gây gổ, đánh đập nhau là không có. Tòa án đã triệu tập những người làm chứng do ông C cung cấp nhưng họ không đến trình bày tại phiên tòa phúc thẩm. Tại giấy xác nhận ngày 06/8/2003 (Bút lục 65) những người làm chứng là cho rằng vẫn thấy gia đình ông C, bà N vẫn hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, giấy xác nhận được đánh máy sẵn cùng có chữ ký ghi tên của

những người làm chứng, không có xác nhận chứng thực chữ ký tên của họ, tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt nên chưa đủ căn cứ pháp lý cho lời làm chứng của họ là khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C thừa nhận Giấy xác nhận ngày 06/8/2003 là do ông C đánh máy sẵn đem đến cho những người làm chứng là những người hàng xóm của ông ký vào giấy xác nhận này. Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt nên chưa đủ căn cứ pháp lý cho lời làm chứng của họ là có cơ sở khách quan.

Từ những phân tích như trên, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Võ Thị N và ông Võ Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C về việc bác yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Võ Văn C yêu cầu được nuôi cháu Võ Tấn C1 và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định bà N và ông C có 03 con chung là Võ Thị Thúy H, sinh ngày 02/11/2003; Võ Tấn C1, sinh ngày 07/9/2007 và Võ Văn Tuấn A, sinh ngày 11/7/2011.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N và ông C đều có yêu cầu được nuôi con chung.

Theo trình bày của các bên đương sự thì hiện nay cháu Võ Tấn C1 và Võ Văn Tuấn A đang sống cùng với bà N và ông C. Xét điều kiện về nuôi con của bà N và ông C đều đảm bảo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu C1 và cháu Anh đều trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Để ổn định việc sinh hoạt, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định giao các cháu C1 và cháu Anh cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu C1 và cháu Anh. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Tấn C1 nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc kháng cáo là có cơ sở, không phù hợp với nguyện vọng của hai cháu C1, Anh được ở với mẹ khi bà N, ông C ly hôn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của ông C.

Đối với cháu Võ Thị Thúy H, sinh ngày 02/11/2003, hiện nay đã trên 18 tuổi, các đương sự đều không có yêu cầu về nuôi con đối với cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Vì yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên buộc ông C phải chịu

300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng phúc thẩm ông C đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006394 ngày 13/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn C
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ – ST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi:

3. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: buộc ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng phúc thẩm ông C đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006394 ngày 13/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Túc

